

Số: 386 /BC-QBVR

Điện Biên, ngày 28 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả kiểm tra diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng tạm ứng 6 tháng đầu năm 2020 lưu vực Sông Đà trên địa bàn huyện Tuần Giáo

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Thực hiện Kế hoạch số 349/KH-QBVR ngày 28/9/2020 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên về việc kiểm tra diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2020 trên địa bàn huyện Tuần Giáo.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng báo cáo Kết quả kiểm tra diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng tạm ứng 6 tháng đầu năm 2020 lưu vực Sông Đà trên địa bàn huyện Tuần Giáo, cụ thể như sau:

1. Nội dung, phương pháp

1.1. Nội dung

- Kiểm tra diện tích rừng đạt tiêu chí thành rừng và đủ điều kiện cung ứng dịch vụ môi trường rừng được áp dụng theo quy định tại mục 1, chương II của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và Tiêu chuẩn TCVN 12511: 2018 về rừng tự nhiên – rừng sau khoanh nuôi;

- Kiểm tra diện tích, trạng thái, vị trí các lô rừng đang được hưởng tiền chi trả DVMTR theo nội dung văn bản số 150/ HKL-KT ngày 23/7/2020 của Hạt Kiểm lâm huyện Tuần Giáo;

1.2. Phương pháp kiểm tra, xác minh diện tích rừng

- Căn cứ Công văn số 150/HKL-KT ngày 23/7/2020 của Hạt Kiểm lâm huyện Tuần Giáo về việc đề nghị xem xét, kiểm tra, rà soát diện tích rừng nghi ngờ chưa đạt tiêu chí thành rừng trên địa bàn huyện Tuần Giáo. Trên cơ sở đó Ban điều hành Quỹ (nhân viên phụ trách địa bàn) phối hợp với cán bộ kỹ thuật Hạt Kiểm lâm huyện Tuần Giáo, tiến hành chồng xếp bản đồ giao đất, giao rừng lên bản đồ 3 loại rừng, bản đồ theo dõi diễn biến rừng 6 tháng đầu năm 2020 để xác định các lô rừng nghi ngờ có biến động (tăng hoặc giảm) về diện tích, trạng thái rừng;

- Xác định diện tích: Khoanh lô theo dồng đối diện, sử dụng máy định vị GPS và phần mềm FRMS Mobile để xác định vị trí điểm biến động, diện tích, trạng thái các lô rừng đang được hưởng tiền chi trả DVMTR;

- Thống nhất trạng thái lô rừng tại thực địa (Thành phần gồm: Nhân viên KT Quỹ tỉnh, công chức kỹ thuật hạt Kiểm lâm, KL phụ trách địa bàn, phụ trách chuyên môn UBND xã, chủ rừng);

- Lập biên bản làm việc thống nhất giữa các bên liên quan về diện tích rừng cung ứng DVMTR bao gồm diện tích rừng đủ điều kiện, diện tích rừng không đủ điều kiện cung ứng.

2. Kết quả kiểm tra, xác minh

- Tổng diện tích kiểm tra: 710,071ha, trong đó:

+ Diện tích không đủ điều kiện cung ứng DVMTR tạm ứng năm 2020 thuộc lưu vực Sông Đà: 121,340ha;

+ Diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR tạm ứng năm 2020 thuộc lưu vực Sông Đà: 588,731ha.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

3. Tồn tại, hạn chế

- Trong quá trình kiểm tra, xác minh diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng tạm ứng năm 2020 thuộc lưu vực Sông Đà trên địa bàn huyện vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Ban quản lý rừng cộng đồng bản Đông Thấp, xã Mường Thín đã cử đại diện chủ rừng tham gia cùng đoàn kiểm tra tiến hành ra thực địa kiểm tra lô 1 khoảnh 7 tiểu khu 608. Tổ kiểm tra phát hiện diện tích 6,67 ha diện tích rừng đã giao cho cộng đồng không đủ tiêu chí rừng được hưởng tiền DVMTR. Đoàn công tác đã lập biên bản kiểm tra ngoài thực địa đã giải thích, vận động người dân tiếp tục quản lý bảo vệ diện tích rừng còn lại và trừ bỏ diện tích không thành rừng nhưng đại diện cộng đồng bản không nhất trí, không ký biên bản kiểm tra.

4. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị Hạt Kiểm lâm huyện Tuần Giáo tiếp tục cập nhật các điểm biến động đúng trạng thái, diện tích theo kết quả kiểm tra, xác minh thực địa và đúng quy trình thực hiện theo dõi diễn biến rừng tại Điều 33 của Thông tư số 33/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về điều tra, kiểm tra và theo dõi diễn biến rừng.

- Đề nghị UBND các xã thông báo đến các chủ rừng diện tích rừng cung ứng DVMTR tạm ứng năm 2020 thuộc lưu vực Sông Đà theo kết quả kiểm tra thực tế và thường xuyên tuyên truyền Luật Lâm nghiệp, Nghị định 156/2018/NĐ-CP, văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến rừng đến chủ rừng;

- Đề nghị các chủ rừng là cộng đồng, hộ gia đình tiếp tục quản, lý bảo vệ rừng được giao đảm bảo diện tích rừng được hưởng tiền chi trả DVMTR hằng năm; Có trách nhiệm báo cáo UBND xã và Kiểm lâm địa bàn đối với diện tích rừng biến động hằng năm để kịp thời cập nhật, xử lý;

- Đối với chủ rừng không ký biên bản kiểm tra thực địa; cộng đồng bản Đông Thấp, xã Mường Thín. Quỹ tỉnh không có cơ sở để tạm ứng năm 2020 lưu vực Sông Đà cho chủ rừng;

Trên đây là Báo cáo kết quả kiểm tra diện tích rừng cung ứng DVMTR tạm ứng năm 2020 thuộc lưu vực Sông Đà trên địa bàn huyện Tuần Giáo./. *E*

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Ban Kiểm soát Quỹ;
- UBND huyện Tuần Giáo; (B/c)
- Giám đốc Quỹ;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Hạt Kiểm lâm huyện Tuần Giáo;
- UBND các xã Mường Thín, Tòa Tình, Quài Nưa, Pú Nhung, Mường Mùn, Pú Xi;
- Đăng trên trang <http://fpdf.dienbien.gov.vn/>;
- Lưu: VT, KH-KT. *for*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Xuân Tâm



BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH ĐIỆN TÍCH RỪNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TẠM ỨNG NĂM 2020 LƯU VỰC SÔNG ĐÀ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TUẦN GIÁC

(Kèm theo báo cáo số: 386 /QBVR-BĐH ngày 28 /10/2020 và Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 của UBND huyện Tuần Giáo về Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

TT	Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng	Vị trí khu rừng			Lô	Diện tích rừng cung ứng DVMTR năm 2019 (ha)	Kết quả kiểm tra		Diện tích đủ điều kiện cung ứng DVMTR tạm ứng năm 2020 (ha)
		Tiểu khu	Khoảnh	[3]			Diện tích không đủ điều kiện cung ứng DVMTR tạm ứng năm 2020 (ha)	Trạng thái	
[1]	[2]				[5]	[6]	[7]	[8]	[9=6-7]
I	Xã Pú Nhung					55,355	2,370		52,985
1	Cộng đồng bản Chua Lú	594	4		1	17,523	1,000	DT1	16,523
		594	9		11	6,129	0,740	DT2	5,389
	Cộng					23,652	1,740		21,912
2	Cộng đồng bản Đê Chia A, B, C	602	3		4	31,703	0,630	DT1	31,073
II	Xã Tòa Tình					57,781	7,303		50,478
1	Cộng đồng bản Tòa Tình	610	2		2a	31,646	1,050	DT1	30,596
		610	2		2b	3,461	1,370	DNN	2,091
		610	4		1a	14,243	0,000	IIA	14,243
		610	4		1b	3,548	0,000	IIA	3,548
	Cộng					52,898	2,420		50,478
2	Vàng Chử Dơ	618	10		13	4,883	4,883	DNN	0,000
III	Xã Pú Xi					295,574	46,300		249,274
1	Cộng đồng bản Thẩm Táng	598	3		1	72,167	2,090	DT1	70,077
		598	7		3	35,580	1,240	DT2	34,340
		605	3		1	54,963	9,760	DT1	45,203
	Cộng					162,710	13,090		149,620
2	Cộng đồng bản Thẩm Mú	599	6		1	35,718	26,780	DT1	8,938
		599	9		1	61,031	2,690	DT1	58,341
	Cộng					96,749	29,470		67,279
3	Cộng đồng bản Hua Múc 2	586	2		3	6,807	0,250	DNN	6,557



TT	Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng	Vị trí khu rừng			Diện tích cung ứng DVMTR năm 2019 (ha)	Diện tích không đủ điều kiện cung ứng DVMTR tạm ứng năm 2020 (ha)	Trạng thái	Diện tích đủ điều kiện cung ứng DVMTR tạm ứng năm 2020 (ha)
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô				
4	Cộng đồng bản Pú Xi 1	586	2	5	2,780	DNN	20,747	
		586	2	4	0,710	DNN	5,071	
IV	Cộng Xã Mường Mùn				29,308		25,818	
					122,261		103,891	
1	Cộng đồng bản Hòm	600	7	1	20,077	DT1	16,177	
		600	7	3	40,204	DT1	36,144	
2	Cộng Cộng đồng bản Gia Bọp				60,281		52,321	
					34,341	DKH	32,411	
V	Cộng Xã Mường Thín	601	8	2	27,639	DT1	19,159	
		601	15	1	61,980		51,570	
1	Cộng đồng bản Đông Tháp				91,812		85,052	
		608	7	1	45,025	DT1	38,265	
2	Cộng đồng bản Đông Cao	608	8	1a	39,901	IIB	39,901	
		608	8	1b	6,886	IIB	6,886	
VI	Cộng Xã Quài Nưa				46,787		46,787	
					87,288		47,051	
1	Cộng đồng bản Cang	609	4	1	12,388	DT1	0,000	
2	Lò Thị Ính	609	9	6	9,516	DNN	0,000	
3	CĐ 3 bản Cọ, Lọng Hồng và Lọng Lưom	619	14	3	46,092	DT1	38,154	
4	Cộng đồng bản Mạ Khùa	609	4	2	12,272	DNN	8,897	
5	CĐ bản Nong Giảng + bản Bó	609	4	3	7,020	DNN	0,000	
Tổng cộng					710,071	121,340	588,731	

Ghi chú: DKH là Đất Khắc; DT1 là diện tích núi đất; DT2 là diện tích cỏ cây gỗ tái sinh núi đất; DNN diện tích cỏ cây nông nghiệp núi đất

